

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH HÀ TĨNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 146/2018/HS-PT

Ngày: 13/11/2018

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH HÀ TĨNH

Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Bùi Văn Lam

Các Thẩm phán: Ông Hồ Đức Quang

Bà Nguyễn Thị Bích Đào

Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Toàn - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Hà Tĩnh.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Hà Tĩnh tham gia phiên tòa: Ông Lê Quang Phiệt - Kiểm sát viên

Ngày 13 tháng 11 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Hà Tĩnh xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự phúc thẩm thụ lý số: 107/2018/HS-PT ngày 04 tháng 9 năm 2018 đối với bị cáo Võ Quang L do có kháng cáo của bị cáo đối với bản án hình sự sơ thẩm số: 20/2018/HS-ST ngày 20/7/2018 của Tòa án nhân dân huyện K, tỉnh Hà Tĩnh

- Bị cáo có kháng cáo:

Võ Quang L, sinh ngày: 02/02/1998, tại xóm L, xã K1, huyện K, tỉnh Hà Tĩnh; nơi ĐKKHKT và chỗ ở hiện nay: xã K1, huyện K, tỉnh Hà Tĩnh; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: không; trình độ học vấn: 12/12; nghề nghiệp: lao động tự do; con ông: Võ Trọng K2, sinh năm 1972 và bà Lê Thị T, sinh năm 1974; vợ, con: chưa có; tiền án, tiền sự: không; biện pháp ngăn chặn: bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 24/01/2018 cho đến nay; sức khỏe bình thường; tự bào chữa; có mặt tại phiên tòa.

- Bị hại không kháng cáo:

Bà Trần Thị H, sinh năm 1959; trú tại: tổ 17, phường T, TP.T, tỉnh Thái Nguyên

- *Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan không kháng cáo:*

1. Hoàng Thị N, sinh năm 1987; trú tại: Xóm T, xã K1, huyện K, tỉnh Hà Tĩnh

2. Hoàng Lý H, sinh năm 2003; trú tại: xóm L, xã K1, huyện K, tỉnh Hà Tĩnh

3. Lê Tư V, sinh năm 1975; trú tại: xóm L, xã K1, huyện K, tỉnh Hà Tĩnh

- Các bị cáo không kháng cáo: Phan Ngọc L1, Lê Tùng L2

Bị hại, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan không liên quan đến kháng cáo của bị cáo nên tòa án không triệu tập.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Qua các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và quá trình xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Bằng thủ đoạn giả danh cán bộ Ngân hàng và cán bộ của Bộ Công an, các đối tượng Phan Ngọc L1 (SN 2000), Hoàng Lý H (SN 2003), Lê Tùng L2 (SN 2000), đều trú tại xã K1, huyện K, tỉnh Hà Tĩnh đã đưa ra các thông tin gian dối về việc trúng thưởng gây lòng tin để chiếm đoạt của chị Trần Thị H (Sn 1959, trú tại số nhà 24, tổ 17, phường T, thành phố T, tỉnh Thái Nguyên) các mã thẻ card mạng điện thoại di động Viettel với tổng giá trị là 77.000.000đ, cụ thể:

Lần thứ nhất: Vào khoảng 15 giờ 30 phút ngày 21/12/2017, Hoàng Lý H đến nhà Phan Ngọc L1 tại xóm Lạc Vinh, xã K1 rủ L1 gọi điện lừa đảo chiếm đoạt mã thẻ card điện thoại. L1 sử dụng máy điện thoại của chị Trần Thị H. L1 tự xưng là cán bộ ngân hàng ngoại thương Vietcombank, gọi đến thông báo cho chị H may mắn là người trúng thưởng nhân dịp kỷ niệm 25 năm thành lập Ngân hàng ngoại thương với bộ giải thưởng gồm 01 xe NouvoLX trị giá 38.000.000đ và 01 thẻ tiết kiệm trị giá 200.000.000đ. Trong ngày 21/12/2017 L1 đã chiếm đoạt của chị H tổng số giá trị thẻ card Viettel là 5.000.000đ (bằng việc lừa chị H phải làm các thủ tục giấy tờ nhận thưởng). Sau mỗi lần chị H đọc các mã thẻ card, L1 ấn lưu vào phần tin nhắn của máy và gửi bán cho Hoàng Thị N với giá 70% giá trị mệnh giá thẻ card. Đến khoảng 18 giờ cùng ngày, Võ Quang L điều khiển xe máy đến nhà L1 chơi, tại đây L1 bảo H điều khiển xe máy của L đến nhà Hoàng Thị N lấy 3.500.000đ về đưa cho L1. Sau đó L1 chia cho H 1.750.000đ, L1 giữ 1.750.000đ. Sau đó H và L1 cho L mỗi người 200.000đ. Khi cho mượn xe, L không biết H đi rút tiền lừa đảo và khi nhận tiền từ L1 và H, L không biết số tiền trên do L1 và H phạm tội mà có.

Lần thứ hai: Khoảng 7 giờ sáng ngày 22/12/2017, Phan Ngọc L1 gọi điện thoại rủ Võ Quang L sang nhà chơi, sau đó L1 tiếp tục gọi lại vào số máy của chị H đóng vai nhân viên ngân hàng để tiếp tục lừa chị H theo nội dung trùng trùng như trên với các hình thức nêu ra các thông tin không đúng sự thật. Trong sáng ngày 22/12/2017 L1 đã lừa chiếm đoạt của chị H tổng cộng: 13.000.000đ, sau đó bán cho Hoàng Thị N với giá bằng 70% giá trị thẻ card. Trong khi L1 gọi điện thoại để lừa mã thẻ card điện thoại của chị H thì Võ Quang L đến nhà Phan Ngọc L1 chơi, L đứng cách L1 khoảng 15m và nghe L1 gọi điện thoại để thực hiện hành vi lừa đảo mã thẻ card điện thoại của chị H, tuy nhiên L không có bất kỳ hành động nào để giúp sức cho L1 thực hiện hành vi lừa đảo mã thẻ card điện thoại của chị H. Sau khi lừa được mã thẻ card điện thoại của chị H, L1 nói cho L biết đã lừa được của chị H 13.000.000đ tiền mã thẻ card điện thoại. Đến khoảng 10 giờ 30 phút, ngày 22/12/2017, Võ Quang L điều khiển xe máy chở L1 đón Hoàng Lý H, sau đó L1 bảo H đi xe máy của L đến nhà của Hoàng Thị N tại Lạc Sơn, K1 để lấy tiền bán mã thẻ card điện thoại di động lúc sáng L1 đã bán cho N, còn L1 và L đi bộ về nhà L. Sau khi nhận 9.750.000đ tiền bán mã thẻ từ Hoàng Thị N, Hoàng Lý H đưa lại cho L1. Tại nhà của L, L1 chia cho H và L mỗi người 3.000.000đ, L1 giữ 3.750.000đ.

Lần thứ ba: Sau khi L1 về nhà, còn L thì sang nhà cậu ruột ở gần nhà L chơi, H liền sử dụng chiếc điện thoại ẩn gọi chị H, yêu cầu chị H đóng thêm 3.000.000đ, sau khi lừa được chị N. H báo cho L1 và L biết đã lừa thêm được chị H 3.000.000đ tiền mã thẻ card điện thoại (tiếp tục bán cho chị N với giá trị 70% giá trị mỗi thẻ card). Quá trình H lừa mã thẻ card điện thoại của chị H, L không biết. Sau khi nghe H báo lại là đã lừa được mã thẻ card điện thoại của chị H trị giá 3.000.000đ, L1 liền bảo H chỉ cho L1 biết địa chỉ nhà của chị N. Sau đó L1 mượn xe máy của L đến nhà chị N nhận số tiền 2.100.000đ tiền bán mã thẻ card H đã bán cho N. Mặc dù biết L1 mượn xe đi lấy tiền mã thẻ card điện thoại do H lừa đảo được nhưng L vẫn đồng ý cho mượn xe. Sau khi lấy được tiền bán mã thẻ card, L1 quay về chia cho H và L mỗi người 700.000đ, còn L1 giữ 700.000đ.

Lần thứ tư: khoảng 14 giờ ngày 22/12/2017, Phan Ngọc L1, Hoàng Lý H và Võ Quang L đi taxi do Võ Minh T điều khiển đến ăn nhậu tại quán lẩu B. Sau đó L1 gọi thêm Lê Tùng L2 đến ngồi ăn nhậu cùng. Lúc này, chị H do sốt ruột nên gọi điện thoại vào số thuê bao của L1, nhận ra chị H gọi điện để hỏi L1 về việc trúng thưởng, L1 liền rời khỏi bàn ăn ra khu vực đường liên thôn đối diện quán lẩu B nghe máy và tiếp tục lừa chị H. Quá trình L1 lừa mã thẻ card điện thoại của chị H, L không biết và không có bất kỳ hành động nào để giúp sức cho L1 thực hiện việc lừa đảo mã thẻ card điện thoại của chị H và L cũng không có bàn bạc thỏa thuận hay hứa hẹn tiêu thụ tài sản do L1 phạm tội mà có. Sau khi lừa được mã thẻ card điện thoại

của chị H, L1 hỏi L2 có biết ai mua các mã thẻ trên không. L2 liền đọc số điện thoại của người mua mã thẻ có tên là N2 (không xác định được nhân thân) lai lịch cho L1 và cung cấp số tài khoản ngân hàng của L2 cho L1 để L1 nhận tiền mua thẻ từ người này. Sau khi L1 gửi những mã thẻ đã lừa được của chị H cho N2 do L2 hướng dẫn, L2 điều khiển xe máy chở L1 ngồi sau đến cây ATM. Tại đây, L2 trực tiếp rút 4.200.000đ, số tiền bán mã thẻ được chuyển vào ngân hàng của L2 đưa cho L1 rồi cả hai quay lại quán B ngồi ăn nhậu đến 17 giờ cùng ngày thì ra về. L1 dùng số tiền 4.200.000đ mà L2 vừa đưa cho mình trả tiền nhậu cho quán B và tiền taxi hết 300.000đ. Sau khi ăn xong, trên đường về nhà L1 đã nói cho L biết ở quán nhậu B, L1 vừa lừa thêm được của chị H 4.200.000đ và L1 đã dùng số tiền đó trả tiền ăn nhậu tại quán B và trả tiền thuê taxi đi nhậu (số tiền còn lại ngày 23/12/2017 L1 và L đã dùng ăn sáng hết 80.000đ, ngoài ra L1 còn đưa cho L số tiền 300.000đ để L đi mừng đám cưới bạn).

Lần thứ năm: Khoảng 8 giờ ngày 23/12/2017, Lê Tùng L2 gọi điện thoại báo cho Phan Ngọc L1 đến Đồi Thông để gọi điện lừa chị H như đã thống nhất từ trước. L2 một mình đi bộ ra Đồi Thông trước rồi sử dụng điện thoại mà L1 đưa trước đó gọi cho chị H. Khoảng 15 phút sau Phan Ngọc L1 nhờ Võ Quang L chở L1 đến đây (khi nhờ L chở lên đồi thông, L1 không cho L biết mục đích lên đồi thông để lừa đảo chiếm đoạt tài sản). L2 sử dụng lại các thông tin mà trước đó L1 đã nói cho L2 biết để L2 lừa chị H. Quá trình L2 lừa mã thẻ card điện thoại của chị H, L đứng cách khoảng 20m và không có bất kỳ hành động nào để giúp sức cho L1 thực hiện việc lừa đảo mã card điện thoại của chị H và L cũng không có bàn bạc thỏa thuận hay hứa hẹn tiêu thụ tài sản do L2 phạm tội mà có. Sau đó cả ba rời khỏi đây. Trong sáng ngày 23/12/2017, L2 đã lừa chiếm đoạt của chị H tổng cộng 50.000.000đ. Đến khoảng 14 giờ ngày 23/12/2017 L2, L1, L đi taxi do Lê Hữu H điều khiển xuống thị xã K để rút tiền mua thẻ được N chuyển bào tài khoản của L2. Khi đến khu vực đập K3 thì L1 xuống xe vứt chiếc điện thoại đã sử dụng để gọi lừa chị Hạnh xuống đập. L2 rút số tiền 35.000.000đ tại cây ATM ngân hàng Vietcombank khu vực ngã ba Việt Lào, thị xã K đem chia cho L1 và L mỗi người 9.000.000đ, L2 giữ 9.000.000đ, số tiền 8.000.000đ còn lại cả ba chi tiêu chung.

Tại bản án hình sự sơ thẩm số 20/2018/HSST ngày 20/7/2018 của Tòa án nhân dân huyện K, tỉnh Hà Tĩnh đã quyết định

Áp dụng điểm e khoản 2 Điều 139, Điều 20, điểm b, p khoản 1 Điều 46, điểm g khoản 1 Điều 48, Điều 53, Điều 69, Điều 74 BLHS 1999, Điều 91 BLHS 2015 xử phạt Phan Ngọc L1 27 tháng tù về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo đi thi hành án.

Áp dụng điểm e khoản 2 Điều 139, Điều 20, điểm b, p khoản 1, khoản 2 Điều 46, Điều 53, Điều 69, Điều 74 BLHS 1999, Điều 91 BLHS 2015 xử phạt Lê Tùng L2 18 tháng tù về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”

Áp dụng khoản 1 Điều 250, điểm b, p khoản 1 Điều 46, Điều 69, Điều 74 BLHS 1999, Điều 91 BLHS 2015 xử phạt Lê Tùng L2 06 tháng tù về tội “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có”. Áp dụng khoản 1 Điều 50 BLHS, tổng hợp hình phạt của hai tội, buộc bị cáo Lê Tùng L2 phải chấp hành hình phạt chung là 24 tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo đi thi hành án.

Áp dụng điểm c khoản 2 Điều 250, điểm b, p khoản 1, khoản 2 Điều 46, điểm g khoản 1 Điều 48 BLHS 1999, Nghị quyết 41/2017/QH14 ngày 20/6/2017 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, khoản 3 Điều 7, khoản 1 Điều 323 BLHS 2015 xử phạt Võ Quang L 18 tháng tù về tội “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có”. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo đi thi hành án.

Ngoài ra bản án sơ thẩm còn tuyên xử lý vật chứng, án phí và quyền kháng cáo của các bị cáo, bị hại, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan.

Ngày 30/7/2018, bị cáo Võ Quang L làm đơn xin kháng xin được hưởng án treo.

Tại phiên tòa bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình đúng với nội dung bản cáo trạng và bản án sơ thẩm đã quy kết, vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo xin giảm được hưởng án treo.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hà Tĩnh tại phiên tòa sau khi tóm tắt nội dung vụ án, đánh giá, phân tích tính chất mức độ hành vi phạm tội của bị cáo, các tình tiết giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo, xem xét kháng cáo của bị cáo đã đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm áp dụng điểm a khoản 1 Điều 355, Điều 356 BLTTHS, xử không chấp nhận kháng cáo của bị cáo, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Kháng cáo của bị cáo trong hạn luật định nên hợp lệ được chấp nhận xem xét theo thủ tục phúc thẩm:

[2] Về nội dung:

Căn cứ vào lời khai của bị cáo và các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án có đủ cơ sở để kết luận: Hành vi lần thứ nhất, thứ hai, thứ ba của bị cáo đã có căn cứ bị cáo L giúp sức cho các bị cáo khác tiêu thụ tổng số thẻ trị giá 27.000.000đ. Bị cáo L biết rõ số thẻ điện thoại do phạm tội mà có nên xác định bị cáo đồng phạm với 03 hành vi trên là có căn cứ.

Đối với hành vi lần thứ 04 và thứ 05 cho đến khi các bị cáo khác lừa đảo, tiêu thụ được số thẻ đó, tiền đã được người mua thẻ chuyển vào tài khoản của L2, bị cáo L không có hành vi giúp sức nào nhưng bản thân bị cáo biết đó là tiền do phạm tội mà có nên bị cáo phải chịu trách nhiệm hình sự về tội “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có” trên số tiền được hưởng lợi. Cụ thể, trong lần thứ 4, bị cáo chỉ tiêu chung số tiền 4.200.000đ, lần thứ năm bị cáo được chia 9.000.000đ và chỉ tiêu chung 8.000.000đ.

Như vậy, tổng số tiền quy kết đối với bị cáo là 44.200.000đ. Do đó, bị cáo bị truy tố xét xử theo khoản 2 Điều 250 BLHS 1999 là không đúng.

[3] Xét kháng cáo của bị cáo Võ Quang L:

Hội đồng xét xử thấy rằng, bị cáo khai không biết là số tiền do các bị cáo khác lừa đảo là không có căn cứ. Bị cáo có 02 tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự (bồi thường thiệt hại và thành khẩn khai báo), có 01 tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự (phạm tội nhiều lần). Số tiền phạm tội của bị cáo là 44.200.000đ quy định khung hình phạt tại khoản 1 Điều 250 BLHS là phạt tiền từ năm triệu đồng đến năm mươi triệu đồng, phạt cải tạo không giam giữ đến ba năm hoặc phạt tù từ sáu tháng đến ba năm. Do đó, giảm mức hình phạt đối với bị cáo là phù hợp với quy định pháp luật.

[4] Về án phí: Do kháng cáo của bị cáo Võ Quang L không được chấp nhận nên bị cáo phải chịu án phí HSPT.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật từ khi hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 355, Điều 357 Bộ luật tố tụng hình sự.

Không chấp nhận kháng cáo của bị cáo Võ Quang L

Sửa bản án sơ thẩm số 20/2018/HS-ST ngày 20/7/2018 của Tòa án nhân dân huyện K, tỉnh Hà Tĩnh.

Tuyên bố bị cáo **Võ Quang L** phạm tội “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có”

Áp dụng khoản 1 Điều 250, điểm b, p khoản 1, khoản 2 Điều 46, điểm g khoản 1 Điều 48 BLHS 1999 xử phạt Võ Quang L 15 (mười lăm) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo đi thi hành án.

2. Về án phí: Áp dụng Điều 136 BLTTHS; điểm b khoản 2 Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí của Tòa án buộc bị cáo Võ Quang L phải nộp 200.000đ án phí hình sự phúc thẩm do kháng cáo không được chấp nhận

3. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực, kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Hà Tĩnh;
- Sở tư pháp tỉnh Hà Tĩnh;
- PV 27 – Công an tỉnh Hà Tĩnh
- TA, CA, VKS, THA sơ thẩm;
- Bị cáo kháng cáo;
- Lưu hồ sơ, THS;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Bùi Văn Lam